



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

7. 4.

1135. Sovaṇṇamaye pabbatasmim vimānaṃ¹ sabbato pabhaṃ,
hemajālakapacchannaṃ² kiṅkiṇijālakappaṭṭaṃ,³
1136. Aṭṭhaṃsā sukataṃ thambhā sabbe veḷuriyāmayā,
ekamekāya aṃsiyā ratanā satta nimmitā,
1137. Veḷuriyasuvaṇṇassa phalīkā rūpiyassa ca,
masāragallamuttāhi lohitaṅkamaṇiḥi⁴ ca.
1138. Citrā manoramā bhūmi na tatthuddhaṃsati⁵ rajo,
gopāṇasiḡaṇā pītā⁶ kūṭaṃ dhārenti nimmitā.
1139. Sopānāni ca cattāri nimmitā caturo disā,
nānā ratanagabbhehi ādiccova virocati.
1140. Veditā⁷ catasso tattha vibhattā bhāgasā mitā,
daddallamānā ābhenti⁸ samantā caturo disā.
1141. Tasmim vimāne pavare devaputto mahappabho,⁹
atiroceti vaṇṇena udayantova bhānumā.¹⁰
1142. Dānassa te idaṃ phalaṃ atho sīlassa vā pana,
atho añjalikammaṃsa taṃ me akkhāhi pucchito 'ti.¹¹
1143. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
paṇhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammaṃsidaṃ phalaṃ.
1144. Ahaṃ andhakavindasmim buddhassādiccabandhuno,
vihāraṃ satthu¹² kāresim pasanno sehi paṇihi.
1144. Tattha gandhaṅca mālaṅca paccaggaṅca¹³ vilepanaṃ,
vihāraṃ satthuno dāsim¹⁴ vippasanna cetasā.
1146. Tena mayhamidaṃ laddhaṃ vasaṃ vattemi nandane,
nandane pavane¹⁵ ramme nānādiḡaṇāyute
ramāmi naccagītehi accharāhi purakkhato 'ti.¹⁶

Suvaṇṇavimānaṃ.

¹ vimānaṃ - itisaddo PTS potthake na dissate.

² hemajālapaṭṭicchannaṃ - Ma, Syā.

³ kiṅkaṇikajālakappaṭṭaṃ - Syā.

⁴ lohitaṅkamaṇiḥi - Ma, Syā.

⁵ uddhaṃsate - Syā.

⁶ gopāṇase ḡaṇāpītā - Syā.

⁷ vedikā - Syā, PTS.

⁸ ābhenti - Syā.

⁹ devaputtā mahappabhā - Syā.

¹⁰ bhānumā - Ma, Syā, Simu.

¹¹ pucchito - Ma.

¹² satthuno - Syā.

¹³ paccayaṅca - Ma, Syā, PTS; paccaggaṅca - Simu, Pa.

¹⁴ satthu adāsim - Ma.

¹⁵ nandane ca vane - Ma, PTS; nandane pavare - Syā.

¹⁶ purakkhito ti - Syā.

7. 4.

1135. Thiên cung, ở ngọn núi bằng vàng, được che phủ với màn lưới bằng vàng, được sắp đặt màn lưới chuông leng keng, đang chiếu sáng khắp mọi nơi.

1136. Các cột trụ có tám mặt đã khéo được thực hiện, tất cả được làm bằng ngọc bích, ở mỗi một mặt, bảy loại châu báu đã được hóa hiện ra.

1137. Ngọc bích, vàng, ngọc pha-lê, và ngọc ru-bi, với các viên ngọc mắt mèo, ngọc trai, và các viên ngọc ma-ni màu đỏ.

1138. Mặt nền đa dạng làm thích ý, ở nơi đó bụi bặm không bốc lên, những cụm đà cong màu vàng, được hóa hiện ra, nâng đỡ mái nhọn.

1139. Và bốn bậc cấp được hóa hiện ra ở bốn phía, với các gian phòng có nhiều loại châu ngọc khác nhau, chói sáng tựa như mặt trời.

1140. Ở nơi ấy, bốn rào chắn được phân chia thành từng phần cân xứng. Trong lúc tỏa sáng rực rỡ, chúng chiếu sáng bốn phương ở xung quanh.

1141. Ở Thiên cung quý cao ấy, vị Thiên tử có ánh sáng vĩ đại, sáng chói vượt trội với màu da, tựa như mặt trời đang mọc lên.

1142. Quả báu này của người là của sự bố thí, hay là của sự trì giới, hoặc của hành động chấp tay? Được hỏi, xin người hãy giải thích điều ấy cho ta.”

1143. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1144. “Được tịnh tín, tôi đã tự tay cho xây dựng ở Andhakavinda ngôi trú xá dành cho đức Phật, vị thân quyến của mặt trời, bậc Đạo Sư.

1145. Ở nơi ấy, với tâm ý thanh tịnh tôi đã dâng cúng vật thơm, tràng hoa, dầu thoa trị giá, và ngôi trú xá đến bậc Đạo Sư.

1146. Do việc ấy, điều này đã đạt được cho tôi; tôi vận hành quyền lực ở Nandana. Ở khu rừng Nandana đáng yêu, được những bầy chim khác nhau gán bó, được tôn vinh bởi các tiên nữ, tôi thích thú với những điệu múa lời ca.”

Thiên Cung Bằng Vàng.